

Số: 86 /QĐ-THPTVC

Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai các điều kiện tuyển sinh theo thông tư 36/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG VÂN CỘC

Căn cứ thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân

Căn cứ thông tư số 32/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ tình hình nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai các điều kiện tuyển sinh theo thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân gồm:

- Công khai chất lượng giáo dục thực tế
- Công khai điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ, giáo viên
- Công khai thu chi tài chính

Điều 2. Hình thức công khai, thời điểm công khai

- Niêm yết trên bảng tin nhà trường
- Trên trang thông tin điện tử trường THPT Vân Cộc;
- Thời điểm công khai: tháng 6/2023

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Văn phòng nhà trường, các tập thể, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT.



Nguyễn Văn Thành

Biểu A1.1

ĐĂNG KÝ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH
VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2023 - 2024
(Dành cho trường THPT công lập không có lớp chuyên)

Tên trường : THPT VÂN CỐC

Địa chỉ : Xã Vân Nam-Huyện Phúc Thọ-Hà Nội . Điện thoại liên hệ : 02433924095

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH giao năm 2022	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023
1	Tổng số cán bộ, giáo viên, CNV (có mặt 01/01/2023). <i>Chia ra:</i>	Người	73	68	73
	- Cán bộ quản lý	Người	03	03	03
	- Giáo viên	Người	60	56	60
	<i>Trong đó: - Biên chế</i>	Người	60	56	60
	<i>- Hợp đồng</i>	Người	0	0	0
	- Công nhân viên	Người	10	9	10
	<i>Trong đó: - Biên chế</i>	Người	5	4	5
	<i>- Hợp đồng</i>	Người	5	5	5
2	Tổng số lớp	Lớp	34	34	34
	<i>Chia ra: Lớp 10</i>	Lớp	12	12	11
	<i>Lớp 11</i>	Lớp	11	11	12
	<i>Lớp 12</i>	Lớp	11	11	11
3	Tổng số học sinh	Học sinh	1475	1459	1491
	<i>Chia ra: Lớp 10</i>	Học sinh	540	536	495
	<i>Lớp 11</i>	Học sinh	473	460	536
	<i>Lớp 12</i>	Học sinh	463	463	460

Người lập biểu

Nguyễn Văn Hạnh

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2023



THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Nguyễn Văn Thành

Biểu A1.2**BÁO CÁO TÌNH HÌNH CƠ SỞ VẬT CHẤT, TRANG THIẾT BỊ**

Tên trường: THPT VÂN CỐC

A. Tình hình cơ sở vật chất:

- Tổng diện tích đất: 13.000 m²
- Tổng diện tích sử dụng: 13.000 m²
- Số Sổ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất:
Số 662/QĐ-TTg, ngày 29/5/2001.

1. Phòng học văn hóa:

Phòng học	Tổng số	Chia ra		
		Kiên cố	Cấp 4	Tạm
Phòng học văn hóa	22	22	0	0

2. Phòng bộ môn (thực hành, thí nghiệm):

Phòng bộ môn	Tổng số	Diện tích	Đạt chuẩn	Chưa đạt chuẩn (ghi rõ nội dung chưa đạt)
1- Vật lý	1	72	x	
Phòng chuẩn bị TH	1	18	x	
2- Hóa học	1	72	x	
Phòng chuẩn bị TH	1	18	x	
3- Sinh học	1	72	x	
Phòng chuẩn bị TH	1	18	x	
4- Công nghệ	0	0		
Phòng chuẩn bị TH	0	0		
5- Ngoại ngữ	1	72	x	
6- Tin học	2	72	x	
7- Phòng đa năng	0	0		
8- Thư viện	1	96	x	
Số lượng sách, tài liệu tham khảo	8310			
9- Nhà thể chất	1	621	x	
10- Phòng Y tế	1	15		

3- Nhà vệ sinh:

+ Nhà vệ sinh dành cho học sinh: Đạt chuẩn

☒

Chưa đạt chuẩn

☐

+ Nhà vệ sinh cho giáo viên: Đạt chuẩn

Đạt chuẩn

☒

Chưa đạt chuẩn

☐

B. Tình hình trang thiết bị:

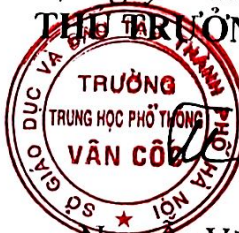
Nội dung	Tổng số	Đang sử dụng	Đề nghị thay thế
1- Bàn ghế học sinh			
+ Loại 2 chỗ ngồi	560	490	70
+ Loại 4 chỗ ngồi	10		10
2- Bàn ghế giáo viên	50	30	20
3- Bảng	30	30	
Trong đó: Bảng thông minh	01	01	
4- Máy vi tính	71	71	
Chia ra:	50	50	
+ Dùng cho HS			
+ Dùng cho Quản lý	21	21	
+ Kết nối Internet		51	
4- Số máy in	9	9	
5- Máy chiếu Projecter	30	28	2
6- Máy photocopy	3	2	1
7- Khác			

Người lập biểu

Nguyễn Văn Hạnh

Hà Nội ngày 02 tháng 6 năm 2023

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Văn Thành

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục phổ thông
năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	...
I	Điều kiện tuyển sinh	Theo địa bàn quy định	Theo địa bàn quy định	Theo địa bàn quy định	
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Chương trình GDPT 2018	Chương trình GDPT 2018	Chương trình GDPT 2006	
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	Tốt hơn nữa	Tốt hơn nữa	Tốt hơn nữa	
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	-Văn nghệ; Thể thao; Tư vấn học đường; HĐ trải nghiệm hướng nghiệp;....	-Văn nghệ; Thể thao; Tư vấn học đường; HĐ trải nghiệm hướng nghiệp;....	-Văn nghệ; Thể thao; Tư vấn học đường; HĐ Ngoài giờ lên lớp;....	
V	Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	96%	97%	99%	
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	98,5%	99%	100%	

Vân Cốc ngày 02 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Văn Thành

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học phổ thông,
năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1454	531	460	463
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1401 96,4%	495 93,22%	450 97,83%	456 98,49%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	50 3,4%	34 6,4%	10 2,17	6 1,3%
3	Trung bình (đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	3 0,2%	2 0,38%		1 0,22
4	Yếu (Chưa đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	1454	531	460	463
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	477 32,8%	127 23,92%	155 33,7%	195 42,2%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	870 59,8%	333 62,71%	278 60,43%	259 55,94%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	105 7,2%	71 13,37%	27 5,87%	7 1,52%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	2 0,14	0	0	2 0,43%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1454	531	460	463
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1454	531	460	463
a	Học sinh Xuất sắc	5	5		
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	471 32,4%	122 22,98%	155 33,7%	194 41,9%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	537 36,9%		278 60,43%	259 55,94%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	14/26 0,97% 1,79%	0/4 0% 0,2%	13/22 0,9% 1,5%	1/0 0,06% 0%
5	Bị đuổi học	0	0	0	0

	(tỷ lệ so với tổng số)				
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	6 0,4%	2 0,13%	4 0,27%	
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp tỉnh/thành phố				4
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	463			463
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp				
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)				
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ				
X	Số học sinh dân tộc thiểu số				

Vân Cốc, ngày 2 tháng 6 năm 2023

Phụ trưởng đơn vị



Nguyễn Văn Thành

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục phổ thông,
năm học 2021 - 2022**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	22	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	22	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	05	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	01	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1,45	-
8	Bình quân học sinh/lớp	44,6	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	13.000	9,4
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)		
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	1008	0,73
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	360	0,08
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	24	
3	Diện tích thư viện (m ²)	96	0,07
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	621	0,45
5	Diện tích phòng khác (....) (m ²)		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 10		1,3
1.2	Khối lớp 11		1,2
1.3	Khối lớp 12		1,3
1.4	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)		0
			
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 10		0
2.2	Khối lớp 11		0

2.3	Khối lớp 12		0
2.4	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)		0
			
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	50	28 học sinh/bộ

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng	Số lượng	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	4	
2	Cát xét	6	
3	Đầu Video/đầu đĩa	5	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	38	01
5	Thiết bị khác...		
..			

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	Không có
XI	Nhà ăn	Không có

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	Không có		
XIII	Khu nội trú	Không có		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 07/2007/QĐ-BGĐT ngày 02/4/2007 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh		x
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		x

XVII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Vân Cốc, ngày 02 tháng 6 năm 2023.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Văn Thành

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của trường THPT Vân Cốc, năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	68		11	53		1	3	47	11		18	41		
I	Giáo viên	56		10	46				46	10		17	39		
	Trong đó số giáo viên dạy môn:														
1	Toán	8		3	5				5	3			8		
2	Lý	6		1	5				5	1		2	4		
3	Hóa	4			4				3	1		1	3		
4	Sinh	4			4				3	1		1	3		
5	Văn	5		1	4				4	1		2	3		
6	Sử	4		2	2				3	1		3	1		
7	Địa	4		2	2				3	1		3	1		
8	Anh văn	7			7				7			1	6		
9	Thể dục	4			4				4				4		
10	Tin	3		1	2				3			2	1		
11	GDQP	2			2				2				2		
12	KTCN	2			2				1	1		1	1		
13	KTNH														
14	GDCD	3			3				3			1	2		
II	Cán bộ quản lý	3		1	2				2	1		1	2		
1	Hiệu trưởng	1			1					1			1		

2	Phó hiệu trưởng	2		1	1			2			1	1		
III	Nhân viên	9			4		1	3						
1	Nhân viên văn thư	1			1									
2	Nhân viên kế toán	1			1									
3	Thủ quỹ													
4	Nhân viên y tế	1					1							
5	Nhân viên thư viện	1			1									
6	Nhân viên khác	5			2			3						
	...													

Hà Nội, ngày 02 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Văn Thành